

Trung Giang Ký Sự – kỳ 16

Hành Vân

Rời nhà bác Trí Phước ở Cái Côn, tôi qua Tịnh xá Ngọc Minh ở Cần Thơ. Tôi đến nơi lúc gần 7 giờ, tịnh xá đã đóng kín cổng, bên trong tối thui. Không có cách nào liên lạc được, tôi thay đổi kế hoạch, không ở đây gặp hòa thượng Giác Nhường nữa mà qua thẳng Tịnh xá Ngọc Viên ở Vĩnh Long.

Ngọc Viên là một tịnh xá trung tâm, do đó ai đến Ngọc Viên lúc nào cũng sẽ được tiếp đón. Tôi liên lạc với sư Minh Viên và sư đã bảo các sư đệ ra mở cổng giúp tôi. 9 giờ rưỡi tôi đến Ngọc Viên, người nhẹ nhõm với một cảm giác thường có mỗi khi đến một tịnh xá: tôi đã về nhà của mình, những ngôi nhà trong kiếp luân hồi!

Quý sư dẫn tôi vào gặp hòa thượng trụ trì Tịnh xá Ngọc Viên, ngài bỏ dở công việc ra ngồi đầu cửa tiếp tôi. Tôi quỳ dưới đất đánh lễ hòa thượng và thưa mục đích mình đến đây. Hòa thượng hoan hỷ hứa nhận nhưng ngài cho hay là đang bận, tôi nên ở chơi đợi vài ngày. Theo lời hòa thượng đã nói, tôi tạm ở lại Ngọc Viên. Suốt hai ngày liền hòa thượng Giác Giới bận vẽ các bản thiết kế Tổ đình Minh Đăng Quang ở Tam Bình và Tịnh xá Pháp Đăng ở bên cồn, nên tôi không phỏng vấn hòa thượng được. Có một buổi sáng ngài bảo tôi vào xem các bản vẽ thiết kế Tổ đình Minh Đăng Quang để “lấy ý kiến số đông”. Vào cốc hòa thượng xem, tôi đã góp ý thiết tình:

– Bạch hòa thượng, nếu tầm vóc của cơ sở này là một Tổ đình, thì theo con phải làm hai cổng ở hai bên mặt tiền, cho lượng xe ra và vào không bị kẹt. Đồng thời, chánh điện nên chú trọng tính cách biểu tượng, có những điểm nhấn về kiến trúc, đừng làm “chìm” bằng các chánh điện khác. Thứ ba, xứ đồng bằng có thể đất bình địa, cho nên các trục khí của người, vật, cây trái, ao hồ... và hơi ẩm của nước, bùn... không thoát mạnh, cứ bay là là gần đất; mình phải làm thêm thiên đường cao lên cỡ 2m, để người ngồi trong đó được hưởng thanh khí bên trên, thân tâm phần chấn tham thiền, không bị ngầy ngật hôn trầm vì thiếu dưỡng khí. Thứ tư, không nên trồng một cây bồ-đề đại thọ chắn ngay trước mặt chánh điện và áng ngay phía trong cổng chính. Nên trồng bồ-đề một bên và trồng kèm thêm năm, ba cây to nữa trong tịnh xá, chùa chiền... Thứ năm, độ cao của chánh điện, giảng đường và thiên đường, ba công trình lớn chính ở Tổ đình phải có sự chênh lệch, cái nào là chủ phải cao vượt và mạnh mẽ hơn những cái khác. Nếu làm chánh điện quá cao to có nghĩa là sẽ phát triển mạnh về tín ngưỡng...

Hòa thượng đáp:

– Tôi thấy làm một cổng Tam quan ngay chính giữa mặt tiền là tốt rồi. Còn chánh điện thì tôi cũng làm như Ngọc Viên đây, có ba tầng mái. Thêm thiên đường dĩ nhiên là tôi làm cao, nhưng cao sáu tấc đủ rồi. Còn cây bồ-đề tôi trồng để làm bình phong cho chánh điện. Trồng chỗ đó đâu có sao, mấy sư cứ nói phong thủy gì đó mà biết có đúng không? Còn chánh điện, giảng đường và thiên đường thì tôi chỉ cho thêm cao bằng nhau chớ không tính tới nóc. Trong Luật,

Tổ sư có nói chánh điện mỗi bề 8 mét, giảng đường mỗi bề 16 mét, tính ra giảng đường rộng gấp năm lần chánh điện luôn...

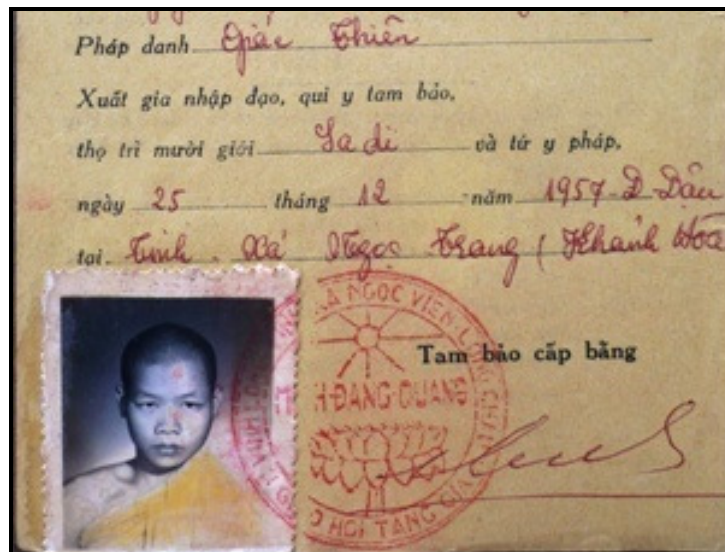
Ở Ngọc Viên, nghỉ một mình trên nhà Tăng, phần lớn thời gian tôi tập trung viết hoàn chỉnh bài Trung Giang 12 để đăng lên Ánh Nhiên Đăng cho kịp huynh đệ xem. Khi viết chán, tôi lại lục tủ kệ bên chỗ nằm xem hết đồng hình cũ, những album hình mà không lâu nữa sẽ được tặng cho bà hỏa. Trong đồng hình đó, tôi chọn một số hình chụp lại để giới thiệu về quý sư và Tăng đoàn Khất sĩ ngày xưa.

Tôi ở một mình, thỉnh thoảng có sư Đăng Tòng lên quét dọn nhà Tăng, chỗ tôi nghỉ. Sư đã kể cho tôi nghe nhiều chuyện ngày xưa. Giọng sư trong, trẻ hơn nhiều so với tuổi 62 của sư. Tiếp xúc với sư một, hai lần, tôi đã nhận ra được rằng tâm hồn sư Đăng Tòng trẻ trung như một lão ngoan đồng. Nếu như lão ngoan đồng Châu Bá Thông của Kim Dung hay ham chơi, thì lão ngoan đồng tôi gặp này nét hạnh hơn nhiều.

Năm 15 tuổi, năm 1965, sư đã xuất gia theo đức Trưởng lão Giác Tánh. Khi vào Tăng đoàn sống chung với huynh đệ đồng chí giải thoát, sư đã chịu ảnh hưởng của sư Giác Phi, rằng giải thoát mới là mục đích chính của cuộc đời tu hành chứ không phải là hình thức y áo... do vậy mà sư chỉ xin được làm sa-di như sư Giác Phi. Và đây là những câu chuyện linh tinh trong 20 năm làm sa-di của sư Giác Tòng:

– Hồi trò xuất gia, đoàn Thầy Tịnh đang mạnh nhất, nhóm đại đức giảng sư Huấn, Thanh, Nguyên... vừa rủ nhau ra một tốp. Mấy vị kéo qua đoàn Thượng tọa Giác Chánh, ngài nói: “Trừ khi nào sư huynh tôi viết giấy giới thiệu tôi mới nhận...”, nhưng Trưởng lão đâu có giới thiệu. Đang lúc bơ vơ, mấy sư đó được Pháp sư Giác Nhiên nhận vào đoàn, nhưng sau cũng bỏ Pháp sư mà đi.

Như sư Thường thuộc lớp sau này, xuất gia năm 1964, trước trò một năm. Năm 1967, sư Thường, trò, sư Kháng, sư Thông bốn vị cùng ở Ngọc Xuân. Sư Giác Mẫn sau trò, Thiện – Hoa – Thiên – Mẫn – Chí một đợt đắp y ở Bồng Sơn. Còn lớp mấy sư Thiên, Bình, Định, Đoan, Năng, Huấn, Thanh... là lớp lớn. Sư Giác Thiên lớn nhất, xuất gia năm 1956.



Sư Giác Thiên, vị sa-di đầu tiên của đoàn Thầy Tịnh. Trước sư có chú tập sự Huệ Ngọc, sau đổi tên là Giác Huân, một trong tám giảng sư chống ngài Tịnh.

Sư Tông vẫn kể tiếp:

– Tịnh xá Ngọc Thiên ở Quảng Đức năm 1969 chỉ có trò với sư Tông ở. Rồi sư Tông về, còn một mình trò ở, trò đem mít trồng giáp hết. Năm đó trò bị sốt nặng, ông thầy ở chợ hốt cho hai thang, trò uống mạnh rồi đi luôn tới giờ chưa về thăm lại.

Tôi nói:

– Thì ra Quảng Đức bây giờ là tỉnh Đak Nông.

Sư vẫn kể:

– Lúc ở Ngọc Thiên trò phát tâm đào một cái giếng. Hồi đó mình mới hai mươi, có mấy đứa con gái 16, 17 vào phụ. Mà nó không chịu ở trên bờ, nó nhảy xuống giếng cùng làm với trò.

Tôi chọc:

– Gây khó khăn cho sư ha?

– Trò nghĩ mình không làm gì nhưng không khéo bị mang tiếng, thôi trò đi, mấy đứa nó khóc suốt suốt.

Trò ra Buôn Ma Thuật ít lâu rồi về Ngọc Thiên lại. Có cô đó khoảng 22, 23, ban ngày cô không chịu lên tịnh xá, đợi đến năm, sáu giờ chiều cô mới mua hoa lên tịnh xá.

Tôi giả vờ hỏi:

– Cô đi cúng ai vậy?

– Cúng Phật. Cô làm hai, ba lần trò mới nói: “Cô à, ở đây có một mình sư, cô lên cúng sao không lên sớm, để sớm sớm mới lên coi kỳ.”. Vậy mà cô vẫn lì, trò mới bỏ đi. Hai, ba tháng sau trò quay lại, có ông đại úy lái xe jeep chở cô lên tịnh xá cúng dường, bụng cô bự chảng, trò hết hồn, lần trước nó lên theo dõi mình chớ cúng gì! Sư có lên Ngọc Thiên chưa?

– Có, sư ở đó hai ngày với thượng tọa Giác Hạnh.

– Mít còn không?

– Còn, còn mấy cây to.

– Hồi đó trò trồng hết đồi luôn, tại vì gió quá đi. Tịnh xá có sửa gì không?

– Có, thượng tọa Giác Hạnh có cất chánh điện, nhà cửu huyền, nhà khách... Chánh điện đúc bê-tông, có ba tầng mái như đây mà không bè ra, lại nằm trên đỉnh đồi nữa, nên trông cao vút lên mạnh mẽ. Có cả đường nhựa rộng khoảng 5m đi lên tận tịnh xá.



Tịnh xá Ngọc Thiên – Đak Nông, tọa lạc ngay tại khu trung tâm thị xã Gia Nghĩa.

Chúng tôi ngừng một lát, rồi sư Đăng Tòng lại kể:

– Tịnh xá Ngọc Đăng ở Đồng Ông Cộ, lúc đầu do bà Tịnh Độ đứng ra cất. Bà cất chánh điện, năm cái cột bự, sau cùng cất một cột phía trước cho Trưởng lão. Xung quanh tịnh xá là đồng, đất lầy, có nhiều hồ, nên nền thượng với nền hạ của chánh điện đều móc tạm đất ở sát bên mà đắp lên. Đắp đất rồi, xin xà-bần của bà đổ lên dầm.

Hồi đó, Ngọc Đăng to nhất trong các tịnh xá. Chánh điện nằm trên hai nền, nền thượng cao ngang ngực, rộng khoảng 15, 16m, nền hạ thấp ngang đùi, rộng thêm ra 2m xung quanh. Tịnh xá đúc cột bê-tông, tầng mái đồ đá rồi gác cây lợp ngói âm dương của Tàu màu vàng nâu. Đức Thầy Tịnh cho làm tịnh xá đẹp lắm, mấy đoàn ghé thăm ai cũng quở. Bây giờ các nơi còn làm gấp mấy lần như vậy nữa chứ!

Xây xong tịnh xá, bà Tịnh Độ còn sắm một chiếc xe 25 chỗ cho quý sư đi hành đạo. Xong hết, bà lên Buôn Ma Thuột đòi tiền Thầy Tịnh, nhưng ngài đâu có tiền mà trả.

Tôi hỏi:

– Bà đó tự làm cho tịnh xá sao lại đòi tiền mình?

– Tại Thầy Tịnh có mượn thêm tiền mua xe với làm gì nữa đó. Kẹt tiền, Thầy Tịnh đưa chiếc xe 25 chỗ đó vào Thuận Thành cho chạy xe đò lấy tiền, ngài lại cho lập hãng son ở nhà cô Phật tử phía trước để làm kiếm tiền trả nợ.

Trong Nam, quý sư lớn tuổi đạo, Pháp sư Giác Nhiên... ra khuyên Thầy Tịnh, ngài nói để tôi làm trả nợ. Quý sư đệ tử đâu có thông cảm được việc thầy làm, nên bắt mẫn ra đoàn, giáo đoàn mới xuống luôn tới giờ. Lúc đó đức Trưởng lão không chịu nói một tiếng nào hết.

Tôi nói:

– Đó lại là cái dở của ngài Giác Tánh. Bình thường ít nói là hay, lúc quan trọng không nói là dở.

– Không, hồi đó Tổ có dặn vậy nè: “Sau này, ông đi kèm với ông Tịnh, đừng bỏ ông.”. Thành ra Trưởng lão theo, chỉ lấy đức mà an chúng, chớ ngài đâu có lãnh đạo, chỉ thị gì. Đến lúc quý sư đưa ngài lên làm Tăng trưởng thì ngài cũng lên vậy, mọi việc quý sư làm hết.

Tôi hỏi:

– Vậy bà đó tên Tịnh Độ hả?

– Pháp danh của bà.

– Pháp danh lạ vậy? Bà ở Nha Trang à?

– Ở Chợ Lớn.

– Năm mấy?

– 65. Cát xong, con gái bà rình mắt ông đại đức Giác Tri.

– Cô nào rình một ông giảng sư cho nổi? Cũng tại ông động lòng chớ!

– Tại cả hai người. Ra cưới nhau rồi bà Tịnh Độ lo cho ông vô làm trong cảnh sát. Hồi đó gần Ngọc Đăng có xóm lò heo Cao Đồng Hưng của người Tàu. Mấy cô ở đó hề có mấy đại đức về thuyết pháp thì vô đông, còn không thì ít vô. Bên Bộ Xã Hội cấp cho tịnh xá toàn gạo lứt, mình nấu cơm nấu cháo gì cũng dùng gạo đó.

Ở Ngọc Đăng đi ỉa tuốt ngoài đám dừa nước, trong này đất mềm phình phình không à. Ngọc Duyên ở gần chớ còn cao ráo, còn Ngọc Đăng thiếu não lắm. Trước Ngọc Đăng là Đồng Chó Ngáp, đâu có ai ở, trồng toàn rau muống!

Tôi tò mò:

– Hồi xưa có con chó chạy ngang thấy ngán nó hả miệng ngáp hả?

Sư Tông thân nhiên giải thích:

– Ờ, trò sửa tên Đồng Ông Cộ thành Đồng Chó Ngáp cho thích hợp! Năm 1973 trò lại về Ngọc Đăng ở. Bấy giờ tịnh xá chỉ có ba người là đức Trưởng lão, sư Diệu với trò. Thấy cảnh tịnh xá, trò bàn với sư Diệu đi xin đất lấp mấy cái hồ xung quanh, sư Diệu bảo trò lo làm đi. Trò mới viết giấy lên Liên đoàn 5 Công binh ở Hóc Môn xin đất, ông Trung tá đọc đơn thấy thương tình liền cho đồ đất lấp dùm mấy cái hồ xung quanh, đồ suốt cả tháng. Nhưng họ chỉ đồ một tuần ba ngày Ba, Năm, Bảy, nên trò lại viết giấy qua gặp ông đại tá Toàn ở Quân nhu Gò Vấp xin tiếp, ông đồng ý cho đồ một tuần ba ngày Hai, Tư, Sáu, đồ đến khi lấp bằng hết xung quanh.

Khi nào sư có về Đoàn II, gặp mấy sư Giác Phi, Giác Khánh, Giác Minh, Giác Hiền, Giác Sơn... hỏi có biết sư Giác Tông không, thế nào mấy sư cũng hỏi ngay: “Ừa, chớ bây giờ ông ở đâu?”, hi hí...



TX. Ngọc Hà – Đồng Hà năm 1970, từ trái qua: Giác Diệu, Giác Phi, Giác Viên, Giác Tông.

Giải phóng rồi trò mới qua bên Pháp sư, nhập hộ khẩu ở Tịnh xá Ngọc Hạnh. Mấy tịnh xá Ngọc Thịnh, Ngọc Hòa... trò cũng có ở. Lần ở Ngọc Thịnh, có hai bà vào chánh điện lễ Phật, Minh Thuận ở trên chánh điện gõ chuông. Có một ông đi chung không lên chánh điện mà xuống cửu huyền, Minh Trung ở dưới không để ý, để nó lấy mất mấy bộ kinh. Lấy xong, nó mang ra máng lên xe đạp chạy. Minh Thuận thấy, la lớn: “Đứng lại!”. Nó bỏ chạy, sư rượt theo nắm áo, hỏi nó ở đâu, nó thưa là nghệ sĩ.

– Nghệ sĩ sao đi ăn cắp?

– Giấy giả mà. Minh Thuận tha nó, quay lại chánh điện thì hai bà kia cũng đã chạy mất. Trò cũng ở Ngọc Hòa với sư Minh Ngạn, tịnh xá có trồng mít tố nữ nhiều. Sau trò qua Ngọc Nhẫn, không biết bây giờ ai ở?

– Thượng tọa Giác Thông ở suốt mấy chục năm.

– Hồi đó có sư Minh Sử nữa, nhỏ con lắm. Sau ông đi Mỹ, khi đi có rủ trò mà trò chỉ muốn đi Úc. Trò nghe nói bên Úc đất rộng, nên trò muốn qua đó xin đất làm có tiền gọi về giúp mấy tịnh xá nghèo chớ không muốn gì khác. Tới năm 82 trò có đi hốt cốt sư Thạnh, sư Nhân, xong rồi trò lo đi mà không được.

...

Hôm sau tôi bị nhức đầu. Tôi vốn là dân xứ cao nguyên, từ nhỏ đến lớn hầu như không dùng quạt máy. Lần này, sau hơn hai ngày dùng quạt, tôi bị gió nhập vào đầu, óc nhức buốt. Tôi tìm quý sư nhờ bắt gió ra, quý sư giới thiệu Đăng Tông. Khi tôi ngỏ lời, sư Đăng Tông hoan hỷ bảo để ăn cơm xong sẽ đắp gừng cho tôi, bảo đảm hết liền. Đến gần 1 giờ sư lên chỗ tôi, mang theo một cối gừng đã giã nát. Tôi nằm xuống chỉ chỗ nhức cho sư đắp. Đắp xong một lần, sư Đăng Tông ngồi chơi chờ gừng thấm và lại kể chuyện quý sư hồi xưa cho tôi nghe. Sư kể:

– Hồi đó quý sư làm thơ hay lắm, bây giờ không có ai bằng. Hồi đó, bên đoàn Pháp sư có Giác Nhân viết thơ lấy bút hiệu là Triều Lệ Lan Thương, còn bên đoàn Thầy Tịnh có Giác Thạnh với bút hiệu Việt Ly Chinh. Sư Giác Thạnh

viết nhiều bài hay lắm: *Em Bé Mỏ Côi*, *Máy Lòng Ham Muốn*, *Trong Cảnh Thiên Hối Chuyện Táo Ông*... Trò sưu tập được mấy tập thơ của hai sư, đến lúc đi vượt biên năm tám mấy bỏ mất hết trơn, uổng thiệt.

Rồi sư liền ngâm thơ cho tôi nghe, tư thái rất tự nhiên kiểu cách. Sư ngâm bài *Chuyện Ngày Xanh* nói về tâm sự thất tình của Triều Lệ Lan Thương sau khi đã khoác lại chiếc áo trần thế. Bài thơ đã có hồn mà người ngâm lại đặt hết tâm vào đó khiến cho từng lời từng lời rót hết vào tai tôi:

CHUYỆN NGÀY XANH

Triều Lệ Lan Thương

Đêm vắng lặng mình ngồi nghe sương rụng
Giá băng trào nước nở trái tim côi
Bạn đời ôi ngã rẽ cách xa rồi
Hai lối mộng chừ đây buồn chi lạ!

Thế là hết, thôi còn đâu nữa hả
Vẫy tay chào cách biệt tiễn đưa nhau
Người sống vui bên ánh điện muôn màu
Mình bất hạnh chìm đời trong ngõ tối!

Còn đâu nữa, người tôi yêu lắm hồi
Trả mình về đơn độc kiếp tha phương
Chuyện ngày xanh xin gởi lại bên đường
Đừng ai nhắc tên tôi làm chi nữa.

Tôi chết đi mộ phần không hương lửa
Rũ kiếp tầm vùi dập giữa mỏ hoang
Kiếp phù sinh đời tôi lắm bể bàng
Niềm đau khổ ai gieo sâu tang tóc...

Thế nhân tình trường, ba cái chuyện thương – ghét như mưa – nắng đã xảy ra với biết bao người, thêm một Triều Lệ Lan Thương nữa cũng chẳng lạ gì. Theo tôi thấy, người ta ở đời đa số không biết cách thương yêu, nên họ làm khổ nhau nhiều hơn là đem lại hạnh phúc cho nhau. Như Triều Lệ Lan Thương trong bài thơ này, khi thấy người kia (*cô Lan*) sống vui bên ánh điện muôn màu thì mình nên chúc mừng chứ sao lại đi chìm đời trong ngõ tối? Nhân loại thương yêu quả thật không lành mạnh chút nào!

Ngâm xong bài *Chuyện Ngày Xanh*, sư Đăng Tòng ngâm tiếp bài thơ vĩnh biệt của người huynh đệ khôn khổ đó:

ĐƯỜNG TRẦN VĨNH BIỆT LỐI ĐI

Triều Lệ Lan Thương

Mình cúi mặt xin chối từ cuộc sống
Trả lại đời với tất cả niềm vui
Dù ra đi lòng hận vẫn chưa nguôi
Nhưng chối bỏ, hãy trở về cõi chết!

Lạy Phật Tổ, hôm nay hồn mỗi một

Nỗi phập phồng, hơi thở cũng khô khan
Gẫm sự đời tôi ôm trọn màu tang
Màu bất hạnh, màu sương trời buốt giá.

Đời tôi ví một bài thơ buồn lả
Từ đoạn đầu đến cuối đoạn đau thương
Quá phong trần, tôi là khách viễn phương
Mượn kiếm cỏ cầu sương làm nhịp thở

Rồi hôm nay bỗng dưng lòng tôi sợ
Sợ cho đời và chán ghét trần gian
Đã cho tôi gánh chịu lắm phũ phàng
Giờ tỉnh mộng, ôi làm sao nói được?

Có những đêm nhìn trời sao sụt sướt
Gẫm đời mình ví thể ánh sao rơi!
Giờ tôi đi, tìm đến một chân trời
Ru giấc ngủ ngàn năm nơi đáy huyết!

Nếu ngày mai mờ hoang đầy băng tuyết
Ai chạnh lòng tưởng nhớ bóng hình tôi
Hãy ghi lên trên phần mộ mấy lời:
Đây là mộ của người không tên tuổi.

Đã thấy mình không có tên tuổi thì cần ghi gì nữa? Còn cần ghi là còn mong chờ, mong chờ mà nói lấy kiêu đàn bà con gái đa sầu đa cảm. Thật đáng thương và thật đáng trách, thật tội nghiệp và thật đáng rầy cho những kẻ bị khổ lụy vì tình. Ôi! Cái chi không bóng không hình, đã vướng vào mình đồ gỗ cho ra? Hay nói như Kim Dung qua lời Lý Mạc Sầu: “Hỡi thế gian, tình là gì, mà đôi lứa thề nguyên sống chết?”. Theo tôi thì tình chẳng khác nào ma túy của nhân loại, không có gì ghê gớm lắm đâu!

Thấy tôi chịu nghe, sư Đăng Tông ngâm luôn thêm bốn bài nữa, tôi đều lấy máy thu âm lại hết. Qua sáu bài thơ đó, tôi đã phần nào biết được một số chuyện của hai nhà thơ huynh đệ mà sư Đăng Tông đã thần tượng. Như sau khi Triều Lệ Lan Thương đã tự vẫn, cảm thương cho một thi sĩ đoản mạng, Việt Ly Chinh đã làm thơ hoài niệm bạn:

THI ĐIỀU TRIỀU LỆ LAN THƯƠNG

Việt Ly Chinh

Não lòng chi bấy Lan Thương ôi
Đáy mộ từ đây chôn chặt rồi
Một kiếp thi nhân giàu khốn lụy
Giàu nguồn bất hạnh lẫn cô đơn!

Hỡi ôi!
Tuổi hoa niên chưa mấy đó
Buồn sao bạn chối bỏ trần gian
Vội ra đi theo áng mây ngàn
Để một lần không ai còn gặp lại

Giác Nhân hay Triều Lệ Lan Thương!
Có còn chăng chỉ những lời bi ký buồn tênh
Mả lạnh, tàn hương, người xưa đã vĩnh biệt rồi
Hỡi ôi, tình đời cay đắng lắm!
Trần gian ai đợi ai chờ
Ai đâu tri kỷ, ai người tri âm?

Nhưng bạn là thi nhân
Mộng ước cùng chim tung cánh gió
Ngàn trùng mây nước kết tình thơ
Có nghĩa gì những thị phi hất hủi?
Dù bất hạnh, ta biết ta là đủ
Hồ dễ sao để lỡ một đời hoa?
Nhưng than ôi, chừ bạn đã ra người thiên cổ!

Triều Lệ Lan Thương đã ra đi, để lại cho Việt Ly Chinh cảm giác trần gian trống vắng. Triều Lệ Lan Thương đã chọn một cách sống ướm át tối tăm, khiến cho huynh đệ phải xót thương. Phút cuối bên nắm mộ mới đắp, Việt Ly Chinh nhắc bạn rằng, đã là:

Mộng ước cùng chim tung cánh gió
Ngàn trùng mây nước kết tình thơ

Thì sao lại chọn sự tự sát trong tủi hận? Sự tình như thế bởi vì tâm hồn Triều Lệ Lan Thương quá tự ái. Nó ví như một chiếc lá non tơ đòi hỏi phải được chăm sóc nâng niu chứ không muốn tự chan hòa với nắng mưa. Nhưng lúc tự sát Triều Lệ Lan Thương đã qua ngoài 31 tuổi, nào phải kẻ mới lớn. Thật nông nổi thay!

Và đây là hai bài thơ có chút “mùi nhang” của hai sư ông thi sĩ:

NẶNG GÁNH

Triều Lệ Lan Thương

Chim trời bạt gió kêu sương
Ta là cánh nhạn mười phương đang trình
Phong trần một gánh phiêu linh
Chân lê quán trọ niệm kinh thiên đường
Nguyện cầu hai cõi âm, dương
Đắng cay nhân thế xin nhường tôi mang.

Mang nổi không? Hay mang rồi sầu thảm than thở? Thơ là tiếng nói của tâm hồn, nhưng có lúc thơ chỉ là trò chơi chữ nghĩa. Có lắm người vì muốn chọn chữ cho hợp vần, cho bóng bẩy... mà viết ra những câu không có giá trị thật. Ví dụ một con chim nhạn đã có sức bay khắp mười phương thì có bao giờ nó chịu lê lét? Mà trong Phật pháp, thiên đường với quán trọ cũng tương tự, cần gì mong chờ cái không tốt đẹp hơn? Cho nên tôi xếp bài *Nặng Gánh* thuộc loại siêu tưởng (*trưởng quá sự thật*).

ĐÊM TRĂNG MIỀN SƠN CƯỚC

Việt Ly Chinh

Sư ở miền rừng núi
Xa cách chốn thị thành
Mái lá bên bờ suối
Chùa của sư đồ con!

Bình minh về chim hót
Làn gió sớm hiền hòa
Ngàn hoa cười lả lướt
Suối róc rách đồng ca...

Sư mến nơi sư ở
Mến phong cảnh nên thơ
Mến rừng xanh, suối mát
Mến nhiều nhiều nữa cơ...

Sư thích người rừng núi
Không kiêu cách kiêu sa
Sống vui đời sớm tối
Không mộng đời gấm hoa.

Dân nơi đây chất phác
Gần thắng cảnh thiên nhiên
Sống vui đời mộc mạc
Xa hết mọi ưu phiền.

Đêm rằm trăng tròn sáng
Ánh trăng vàng nên thơ
Trên bầu trời bàng bạc
Cảnh rừng đẹp như mơ...

Qua bài thơ nhẹ nhàng này, ta thấy được rằng hai nhân cách khát sĩ và thi sĩ đồng sống chung trong tâm hồn Giác Thanh – Việt Ly Chinh. Nhưng có lẽ cuối cùng thi sĩ đã thắng thế, đã kéo được Giác Thanh ra khỏi đời sống khát sĩ ở miền sơn cước, để ra đi trên những con đường chông gai của thời loạn ly:

TỪ GIÃ CHÙA XƯA

Việt Ly Chinh

Chùa ơi người ở lại đây
Với người thiện tín ngày ngày nguyện kinh
Chừ ta cất bước đăng trình
Gót chân đa tự thác ghềnh, núi sông
Cùng người chia sẻ mặn nồng
Bản đàn tri ngộ vô cùng tơ vương,
Ra đi ta biết người buồn
Nhưng sao định nghĩa gốc nguồn thời gian?
Người xin ta khắc chữ vàng
Vào tim rướm lệ những hàng luyến thương:
Dù qua muôn vạn dặm đường
Đừng quên chùa rách Phật vàng năm xưa!

Tuy rằng kinh kệ sớm trưa
Vắng đôi mắt ngọc tay ngà mân mê
Vẫn không khác đợi nắng hè
Bình minh trở lại đi về kinh mai
Nhìn người đôi mắt u hoài
Cửa lòng khép kín then cài hồn ta
Viết nhưng nhớ mực lệ hòa
Vẽ hoa tim úa tình ta với chùa
Vào trang giấy trắng tình thơ
Ký lưu hình ảnh những giờ đến đi!
Buồn nào bằng phút chia ly
Vui nào đếm xiết ngộ kỳ phùng tao?
Quan hà trôi gót vân du
Tình ta nhớ tưởng thiên thu bên chùa.
Ta vui tiếng gọi sơn hà
Non sông còn lắm máu hòa lệ rơi,
Chùa ơi cạn chén ly bôi
Cho ta vẹn nghĩa trai thời loạn ly.
Quân hành khoác chiếc vũ y
Đêm ngày mai lại rợp kỳ tự do.

Trong thời chiến tranh loạn lạc ở Việt Nam những năm 1954 – 1975, có rất nhiều thanh niên đã chọn đời sống xuất gia để khỏi phải đi lính. Những trường hợp xuất gia trốn lính thời đó cũng có nhiều mức khác nhau: nếu tệ quá thì đã sớm bị đào thải, nếu không tệ thì vẫn được lên lớp làm nhà sư, vẫn có một thời kỳ niệm khó phai trong chiếc áo khất sĩ. Họ đã trốn lính với nhiều động cơ: có kẻ trốn vì sợ chết, có kẻ trốn vì không muốn sát nhân hại vật, có kẻ không muốn theo bên nào trong các phe chiến tranh nên tìm con đường khác...

Do trốn lính đi tu nên khi vào giáo hội những vị ấy vẫn còn nặng lòng trần, vẫn còn nhiều tâm tư của thế nhân. Đặc tính của xuất gia trốn lính là bị động vì hoàn cảnh, có thể xem là xuất gia gieo duyên. Tuy vậy, một điều phải ghi nhận là những người ấy cũng có thiện duyên với Phật giáo, bởi vì không phải ai cũng chịu ăn chay, sống kham khổ, mặc đồ hoại sắc, học kinh, tụng Phật... Nên Phật giáo vẫn tạo điều kiện tiếp nhận và vẫn sử dụng nguồn nhân lực từ những người thanh niên đó.

Về khía cạnh xã hội, xuất gia trốn lính là một hiện tượng xã hội trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XX. Về tu đạo, ai xuất gia mà không phát tâm Bồ-đề hay phát tâm Bồ-đề chưa chín chắn, thì người ấy sẽ không tận hưởng được hương vị giải thoát của đạo. Như hai sư Giác Nhân và Giác Thạnh chưa “thấm tương chao”, và họ đã đi theo nghiệp lực của họ.

Thơ ca ở thế gian lấy một chữ TÌNH làm gốc. Có hai loại tình: tình cao thượng làm cho tâm hồn thăng hoa, còn tình thấp kém lại khiến cho tâm hồn sa đọa. Người giải thoát thấy sanh tử như mộng, có đâu lắm chuyện sầu não chất ngất? Còn kẻ lấy thất tình làm sự nghiệp, một đời đắm đuối trong những ảo giác của mình, thì không khác nào con tằm chằm chỉ làm kén buộc khắp thân thể nó.

Nên Triều Lệ Lan Thương hãy sống vì mọi người, đừng sống vì cái TÔI nữa, thì tự nhiên bao người sẽ tìm đến Triều Lệ Lan Thương, dù bút danh của huynh đệ này có vẻ cái lương quá.

Nói về cái nòi TÌNH thường hay thơ thần thần thờ thơ. Phàm làm người, ngày nào lòng còn vương vấn thất tình lục dục, ngày đó còn ra vào lên xuống trong trần gian để khóc cười như một con rối. Thơ nặng tình là thơ phổ biến ở đời, cũng như hàng đại trà. Còn thơ đậm đà chất cao thượng, trong sáng hồn nhiên, nhẹ nhàng cõi mở, thơ như thế hơi hiếm. Ví dụ bài *Thu Điếu* của cụ Nguyễn Khuyến:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Hay khổ thơ sau trong bài *Hoa Cúc* của thiền sư Huyền Quang:

Người ở trên lầu, hoa dưới sân
Vô ưu ngồi ngắm, khói trầm xông
Hồn nhiên, người với hoa vô biệt
Một đóa hoa vàng chợt nở tung!

Hay bài *Cây Dừa* của bé Trần Đăng Khoa:

Cây dừa xanh tỏa nhiều tàu
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng
Thân dừa bạc phết tháng năm
Quả dừa, đàn lợn con nằm trên cao
Đêm hè hoa nở cùng sao
Tàu dừa, chiếc lược chải vào mây xanh
Ai đem nước ngọt, nước lành
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa?
Tiếng dừa làm dịu nắng trưa
Gọi đàn gió đến cho dừa múa reo
Trời xanh đầy tiếng rì rào
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra
Đứng canh trời đất bao la
Mà dừa đứng đĩnh như là đứng chơi!

Đều xứng đáng là những tuyệt tác, đẹp từ tâm hồn cho tới ngôn từ và hình ảnh. Đọc những bài thơ như thế liền thấy lòng mình thoát ly cõi trần tục thấp thỏi, bay bổng khỏi những chuyện ăn mặc tầm thường. Thơ như thế nên đọc.



Sư Đăng Tòng, kỷ niệm Ngọc Viên năm 2012.

Tôi du hành khắp nơi tìm gặp mọi người, những ai đã từng tiếp xúc, từng gắn bó với Đạo Phật Khất Sĩ. Tôi cũng tìm xem hết mọi công trình, mọi di tích của dòng đạo này. Đồng thời, tôi cũng tham khảo khắp các tác phẩm văn học Phật giáo mà đức Tổ sư Minh Đăng Quang và chư Tăng, Ni, Phật tử Khất Sĩ đã sáng tác... Phạm vi làm việc của tôi rộng như thế bởi vì tôi nghĩ rằng một nền đạo tương đương với một nền văn hóa, nó không thể nhỏ nhoi, nó không thể chỉ có một vài cá nhân hay một số sự kiện đại diện. Như trong lần này gặp sư Đăng Tòng, sư đã đem lại cho tôi một số thông tin về những khía cạnh khác của Đạo Phật Khất Sĩ. Chuyện của sư kể là những câu chuyện của chư Tăng, chuyện đời thường trong nhà đạo. Chính những chuyện đời thường này sẽ giúp cho mọi người có sự hiểu biết và cảm thông với đời sống của nhà sư, qua đó họ sẽ phần nào hiểu được đạo Phật.
